

Số: **2411** /QĐ-BNN - XD

Hà Nội, ngày **12** tháng **10** năm **2011**

QUYẾT ĐỊNH
Phê duyệt kế hoạch đấu thầu
Dự án sản xuất giống nầm giai đoạn 2011-2015

BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

Căn cứ các Nghị định số 01/2008/NĐ-CP ngày 03/01/2008 và số 75/2009/NĐ-CP ngày 10/9/2009 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ;

Căn cứ Nghị định số 85/2009/NĐ-CP ngày 15/10/2009 của Chính phủ hướng dẫn thi hành Luật Đấu thầu và lựa chọn nhà thầu xây dựng theo Luật Xây dựng;

Căn cứ các Nghị định số 12/2009/NĐ-CP ngày 12/02/2009 và số 83/2009/NĐ-CP ngày 15/10/2009 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình;

Căn cứ Nghị định số 112/2009/NĐ-CP ngày 14/12/2009 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình;

Căn cứ Quyết định số 3577/QĐ-BNN-XD ngày 31/12/2010 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn duyệt Dự án sản xuất giống nầm giai đoạn 2011-2015;

Xét Tờ trình số 24 /CV-TT-DAG ngày 30/8/2011 của Giám đốc Trung tâm Công nghệ sinh học thực vật xin phê duyệt kế hoạch đấu thầu Dự án sản xuất giống nầm giai đoạn 2011-2015 và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Quản lý xây dựng công trình (tại báo cáo thẩm định số: 955/XD-CP ngày 21 / 9 /2011),

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Duyệt kế hoạch đấu thầu Dự án sản xuất giống nầm giai đoạn 2011-2015 có tổng mức đầu tư là: 93.465.092.000 đồng (Chín mươi ba tỷ, bốn trăm sáu mươi lăm triệu, không trăm chín mươi hai ngàn đồng) với nội dung chính như sau:

1. Phần công việc đã thực hiện: 02 gói thầu với tổng giá trị là: 190.565.000 đồng (Một trăm chín mươi triệu, năm trăm sáu mươi lăm ngàn đồng).

2. Phần công việc không áp dụng đấu thầu: Bao gồm Ban quản lý dự án; Lệ phí thẩm định dự án; Hỗ trợ di dời giải phóng mặt bằng; Đào tạo, tập huấn (Trong nước; Nước ngoài); Thuê chuyên gia nước ngoài; Thẩm tra và phê duyệt quyết toán; Dự phòng với tổng giá trị là: 10.042.274.000 đồng (Mười tỷ, không trăm bốn mươi hai triệu, hai trăm bảy mươi tư ngàn đồng).

3. Phần công việc thuộc kế hoạch đấu thầu: 12 gói thầu với tổng giá trị là: 83.232.253.000 đồng (Tám mươi ba tỷ, hai trăm ba hai triệu, hai trăm năm mươi hai ngàn đồng).

Điều 2. Tên gói thầu, giá dự toán gói thầu, hình thức lựa chọn nhà thầu, phương thức đấu thầu, thời gian lựa chọn nhà thầu, thời gian thực hiện hợp đồng và hình thức hợp đồng: Theo phụ lục chi tiết kèm theo Quyết định này.

Nguồn vốn: -Ngân sách nhà nước: 56.679.767.000 đồng.

-Tự huy động: 36.785.325.000 đồng.

Chủ đầu tư chịu trách nhiệm thực hiện đúng cam kết tại Tờ trình số 24 /CV-TT-DAG ngày 30/8/2011, khi lựa chọn nhà thầu theo hình thức chỉ định thầu.

Điều 3. Giám đốc Trung tâm Công nghệ sinh học thực vật (Chủ đầu tư) tổ chức thẩm định, phê duyệt các bước thiết kế tiếp theo phù hợp với thiết kế cơ sở đã được duyệt; phê duyệt hồ sơ mời thầu, phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu, quyết định xử lý tình huống trong đấu thầu và chịu trách nhiệm trước pháp luật về quyết định của mình.

Điều 4. Chánh Văn phòng Bộ, Cục trưởng Cục Quản lý xây dựng công trình, Giám đốc Trung tâm Công nghệ sinh học thực vật và Thủ trưởng các cơ quan đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Kho bạc NN Hà Nội;
- Trung tâm Công nghệ sinh học thực vật;
- Viện di truyền NN;
- Viện khoa học NN Việt Nam;
- Vụ TC, KH;
- Lưu: VT, XD.



PHỤ LỤC: Phê duyệt kế hoạch đấu thầu

Dự án sản xuất giống nầm giai đoạn 2011-2015

(Kèm theo Quyết định số 241/QĐ-BNN-XD ngày 12/10/2011 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

Đơn vị tính: 1.000 đồng

TT	Tên gói thầu	Giá dự toán gói thầu	Hình thức lựa chọn nhà thầu	Phương thức đấu thầu	Thời gian lựa chọn nhà thầu (dự kiến)	Hình thức hợp đồng	Thời gian thực hiện hợp đồng
I	Phần công việc đã thực hiện	190.565					
1	Khảo sát địa hình (theo Quyết định số 33B/QĐ -TT-DAG ngày 09/8/2010)	64.233	Chỉ định thầu	1 túi hồ sơ	Quý III/2010	Theo đơn giá	60 (ngày)
2	Lập dự án đầu tư (theo Quyết định số 33B/QĐ -TT-DAG ngày 09/8/2010)	126.332	Chỉ định thầu	1 túi hồ sơ	Quý III/2010	Theo tỷ lệ phần trăm	60 (ngày)
II	Phần công việc không áp dụng đấu thầu	10.042.274					
1	Chi phí quản lý dự án	459.066					
2	Lệ phí thẩm định dự án	21.024					
3	Hỗ trợ di dời giải phóng mặt bằng	2.400.000					
4	Đào tạo, tập huấn: Trong nước; Nước ngoài	4.173.856					
5	Thuê chuyên gia nước ngoài	480.000					
6	Thẩm tra và phê duyệt quyết toán	68.327					
7	Dự phòng	2.440.001					
III	Phần công việc thuộc kế hoạch đấu thầu	83.232.253					
1	Gói số 1: Thiết kế bản vẽ thi công -DT, Tổng dự toán	292.659	Chỉ định thầu	1 túi hồ sơ	Quý IV/2011	Theo tỷ lệ phần trăm	90 (ngày)
2	Gói số 2: Thẩm tra TKBV thi công -DT, Tổng dự toán	44.119	Chỉ định thầu	1 túi hồ sơ	Quý IV/2011	Theo tỷ lệ phần trăm	30 (ngày)
3	Gói số 3: Lựa chọn nhà thầu thi công xây dựng, thiết bị (Lập HSMT và đánh giá HSDT)	64.500	Chỉ định thầu	1 túi hồ sơ	Quý I/2012	Theo tỷ lệ phần trăm	20 (ngày)
4	Gói số 4: Khu B (Nhà nuôi giống nầm; Kho vật tư nông nghiệp; Cổng: 02 cái- tường rào; San nền; Sân đường, thoát nước nội khu; Hệ thống cấp điện ngoài nhà; Hệ thống cấp nước ngoài nhà); Khu D (Nhà giới thiệu sản phẩm; Cải tạo đường trục chính; Tường rào; San nền; Sân đường, thoát nước nội khu)	11.029.754	Đấu thầu rộng rãi	1 túi hồ sơ	Quý I/2012	Theo đơn giá	180 (ngày)

TT	Tên gói thầu	Giá dự toán gói thầu	Hình thức lựa chọn nhà thầu	Phương thức đấu thầu	Thời gian lựa chọn nhà thầu (dự kiến)	Hình thức hợp đồng	Thời gian thực hiện hợp đồng
5	Gói số 5: Buồng hấp khử trùng; Giàn giá nuôi giống nấm; Kho lạnh bảo quản giống; Điều hòa nhiệt độ; Tủ lạnh sâu; Nồi khử trùng; Box cấy vô trùng; Máy phát điện 400kVA	3.463.000	Đấu thầu rộng rãi	1 túi hồ sơ	Quý I/2013	Trọn gói	120 (ngày)
6	Gói số 6: Hệ thống nhân giống trên môi trường dung dịch	3.200.000	Đấu thầu rộng rãi	1 túi hồ sơ	Quý I/2013	Trọn gói	120 (ngày)
7	Gói số 7: Thiết bị: Khay nhựa chịu nhiệt; Xe nâng, xúc đảo trộn nguyên liệu; Quạt thông gió công nghiệp; Tủ trưng bày sản phẩm; Máy đóng gói sản phẩm co màng; Máy dán nhãn và in ngày; Máy đai thùng hàng tự động	2.360.000	Đấu thầu rộng rãi	1 túi hồ sơ	Quý II/2013	Trọn gói	120 (ngày)
8	Gói số 8: Giữ giống gốc: 20 chủng giống; Nhân các chủng giống gốc (Lần đầu trên môi trường thạch nghiêng tổng hợp; Trên môi trường dung dịch; Trên môi trường thể rắn; Sản xuất giống thương phẩm); Hoàn thiện quy trình công nghệ nhân giống và khảo nghiệm giống; Xây dựng mô hình trình diễn công nghệ sản xuất giống	62.180.300	Tự thực hiện	1 túi hồ sơ	Quý III/2011	Trọn gói	Theo tiến độ
9	Gói số 9: Giám sát thi công công trình	297.803	Chỉ định thầu	1 túi hồ sơ	Quý I/2012	Theo tỷ lệ phần trăm	Theo tiến độ
10	Gói số 10: Giám sát lắp đặt thiết bị	60.905	Chỉ định thầu	1 túi hồ sơ	Quý II/2013	Theo tỷ lệ phần trăm	Theo tiến độ
11	Gói số 11: Bảo hiểm công trình	50.000	Chào hàng cạnh tranh	1 túi hồ sơ	Quý I/2012	Trọn gói	Theo tiến độ
12	Gói số 12: Kiểm toán	189.213	Chỉ định thầu	1 túi hồ sơ	Quý III/2015	Theo tỷ lệ phần trăm	45 (ngày)
Tổng cộng		93.465.092					
(Chín mươi ba tỷ, bốn trăm sáu mươi lăm triệu, không trăm chín mươi hai ngàn đồng)							

*Lưu ý: - Hình thức hợp đồng: theo đơn giá, giá hợp đồng theo đơn giá điều chỉnh;

-Thời gian lựa chọn nhà thầu của các gói thầu chỉ là dự kiến, căn cứ vào kế hoạch cấp vốn và tiến độ giải phóng mặt bằng chủ đầu tư báo cáo Bộ xem xét điều chỉnh cho phù hợp.